

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **39** /VTQ

Quảng Trị, ngày 14 tháng 8 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

Mã chứng khoán: **VTQ**

Trụ sở chính: Thôn Việt Trung, xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Điện thoại: 0232 3796 003

Fax: 0232 3976060

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Hải Thanh**

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán 06 tháng đầu năm 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình tại đường dẫn: <http://www.viettrungqb.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hải Thanh

Số: 154 /VTQ

Quảng Trị, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán 06 tháng đầu năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình

- Mã chứng khoán: VTQ
- Địa chỉ: Thôn Việt Trung, xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 0232.3796003
- Email: viettrung.qb@gmail.com - Website: www.viettrungqb.com.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán 06 tháng đầu năm 2026
- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2026 tại đường dẫn: www.viettrungqb.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin đã công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán 06 tháng đầu năm 2026;
- Văn bản giải trình.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phan Văn Thành



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Thành	Chủ tịch
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Phan Hữu Bằng	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Sơn Phong	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Trần Duy Hà	Thành viên
Ông Võ Phi Xuân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Chí Bình	Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Sơn Phong	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 13 tháng 08 năm 2026

A blue ink signature of Phan Văn Thành.

Số: 081301/2026/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 13 tháng 08 năm 2026 từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề nhân mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và kỳ kế toán, tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền 37.678.124.323 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 37.191.542.190 đồng) và Lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty là 34.758.070.259 đồng (Lỗ lũy kế đến ngày 01/01/2026 là 45.079.710.124 đồng). Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Kết luận kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.023.205.677	41.978.835.602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.211.356.533	13.035.890.891
1. Tiền	111	V.1	8.211.356.533	13.035.890.891
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.773.425	13.119.178
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.5a	42.773.425	13.119.178
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.832.775.815	12.326.753.511
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.887.937.174	15.798.961.032
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		459.007.916	380.075.127
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.3	15.265.589.286	7.926.947.993
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.4	(11.779.758.561)	(11.779.230.641)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	12.871.906.661	16.562.297.770
1. Hàng tồn kho	141		12.899.925.883	16.590.316.992
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(28.019.222)	(28.019.222)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		64.393.243	40.774.252
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		1.666.747	29.706.790
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.7a	62.726.496	11.067.462
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190.705.149.137	179.817.525.139
I. Tài sản cố định	220		133.989.682.357	129.000.645.576
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	133.989.682.357	129.000.645.576
- Nguyên giá	222		277.836.264.082	266.353.306.343
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.846.581.725)	(137.352.660.767)
II. Tài sản sinh học dài hạn	230		9.050.397.144	3.516.022.084
1. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237	V.9	9.050.397.144	3.516.022.084
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		18.141.816.034	24.449.425.412
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	18.141.816.034	24.449.425.412
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		28.864.576.042	22.090.138.038
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.11	81.840.000.000	81.840.000.000
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(53.975.423.958)	(60.749.861.962)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.5b	1.000.000.000	1.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	270		658.677.560	761.294.029
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		658.677.560	761.294.029
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		230.728.354.814	221.796.360.741

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.537.044.308	87.926.690.100
I. Nợ ngắn hạn	310		77.701.330.000	79.170.377.792
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	13.493.180.161	13.002.773.238
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		189.774.900	200.546.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.7b	844.001.225	1.538.929.831
4. Phải trả người lao động	315		6.253.993.245	8.322.649.401
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		373.729.838	325.390.318
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		13.820.650	920.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.13a	9.268.267.706	5.954.503.417
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.14a	44.725.826.818	45.428.925.180
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.538.735.457	3.476.660.007
II. Nợ dài hạn	330		8.835.714.308	8.756.312.308
1. Phải trả dài hạn khác	338	V.13b	392.000.000	492.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.14b	8.443.714.308	8.264.312.308
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	144.191.310.506	133.869.670.641
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.910.000	170.817.910.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		680.000.000	680.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.451.470.765	7.451.470.765
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(34.758.070.259)	(45.079.710.124)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		(45.079.710.124)	(51.434.030.126)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		10.321.639.865	6.354.320.002
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		230.728.354.814	221.796.360.741

Phan Hữu Bằng
Người lập biểu

Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng

Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 13 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		71.656.497.154	25.973.933.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	71.656.497.154	25.973.933.419
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	57.430.608.847	25.140.629.542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.225.888.307	833.303.877
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		35.202.276	32.798.416
8. Chi phí tài chính	23	VI.3	(4.384.309.112)	(800.170.892)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		2.390.128.892	1.482.023.695
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	2.336.466.369	5.000.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.106.342.451	5.273.571.086
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21+(22-23)-(25+26)+27)	30		10.202.590.875	(3.612.297.901)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	129.330.291	140.829.992
13. Chi phí khác	32		10.281.301	10.854.291
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		119.048.990	129.975.701
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.321.639.865	(3.482.322.200)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.321.639.865	(3.482.322.200)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		10.321.639.865	(3.482.322.200)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	604	(204)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	604	(204)


Phan Hữu Bằng
Người lập biểu


Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng


Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 13 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	10.321.639.865	(3.482.322.200)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	6.493.920.958	4.257.165.925
Các khoản dự phòng	03	(6.773.910.084)	(2.501.254.341)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(29.654.247)	(32.798.416)
Chi phí đi vay	06	2.390.128.892	1.482.023.695
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.402.125.384	(277.185.337)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(6.558.209.258)	6.466.977.273
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	3.690.391.109	(3.185.581.808)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(3.257.165.616)	3.390.249.903
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	130.656.512	34.514.725
Chi phí đi vay đã trả	14	(2.353.917.150)	(1.134.489.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.053.880.981	5.294.484.904
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.354.718.977)	(12.823.879.183)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	29.372.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.354.718.977)	(12.794.506.794)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	34.874.410.627	43.478.889.695
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(35.398.106.989)	(31.907.802.811)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(523.696.362)	11.571.086.884
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4.824.534.358)	4.071.064.994
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.035.890.891	6.286.019.414
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.211.356.533	10.357.084.408


Phan Hữu Bằng
Người lập biểu


Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 13 tháng 08 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và các lần thay đổi. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 09 năm 2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình có trụ sở chính tại TDP Hữu Nghị, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chăn nuôi trâu, bò. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 27,28%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có một đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Gỗ Phú Quý, địa chỉ tại TD7 phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.

6. Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 514 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 525 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo***II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền 37.678.124.323 đồng và Lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty là 34.758.070.259 đồng. Những yếu tố này cho thấy tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu, có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thận trọng xem xét các điều kiện hoạt động hiện tại và xây dựng kế hoạch kinh doanh và tài chính cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm các biện pháp chủ yếu sau:

- + Đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh doanh sản xuất, chế biến và buôn bán sản phẩm dăm gỗ cây trầm.
- + Sắp xếp nhân sự các phòng ban bộ phận quản lý tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí.
- + Nâng cao sản lượng khai thác mùn cưa cao su.
- + Đầu tư cây cao su trồng mới.
- + Mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm sản xuất từ gỗ tại nhà máy gỗ Phú Quý.
- + Tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động hợp tác kinh doanh với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu trồng xen canh các loại cây ngắn ngày tại các địa điểm cây cao su già hết sản lượng khai thác đã thanh lý chưa trồng mới.

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh. Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Công ty là trái phiếu ngân hàng nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm mệnh giá trừ (-) số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ [trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhận lãi trước] cộng (+) số phụ trội hoặc trừ (-) chiết khấu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty có khả năng không thu hồi được.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản nợ phải thu đó của Công ty ước tính có thể bị tổn thất do đối tượng nợ hoặc khách nợ mất tích, trốn nợ hoặc khó có khả năng hoặc không có khả năng thanh toán khoản nợ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Tài sản sinh học

Tài sản sinh học bao gồm cây trồng theo mùa vụ và/hoặc lấy sản phẩm một lần, và/hoặc sản phẩm mới được tạo ra từ các cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ khi chưa thu được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc tài sản sinh học bao gồm chi phí nuôi trồng phát sinh liên quan trực tiếp đến các tài sản này.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các tài sản sinh học đó.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy các tài sản này bị tổn thất hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của tài sản sinh học tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ	06 - 20
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái có khả năng hoạt động.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát hoặc không được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn hoặc được kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia hợp đồng.

Hợp đồng BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế theo kết quả của hoạt động BCC hoặc chia lợi ích cố định không phụ thuộc vào kết quả hoạt động của BCC.

Đối với trường hợp Công ty là bên có quyền đồng kiểm soát BCC dưới hình thức chia lợi nhuận sau thuế trường hợp này quy định các bên tham gia chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ nếu kết quả hoạt động của BCC bị lỗ. Các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và phát hành hóa đơn, khai thuế theo quy định của hợp đồng và pháp luật thuế.

Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh của BCC vào sổ kế toán các tài khoản liên quan để làm căn cứ đối chiếu, xác định doanh thu, chi phí tính thuế của BCC. Tuy nhiên, chỉ những khoản doanh thu, chi phí tương ứng với phần Công ty được hưởng hoặc gánh chịu mới được ghi nhận và trình bày vào các chỉ tiêu doanh thu, chi phí liên quan trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp của Công ty.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm các khoản nhận trước về hoạt động Công ty cho mượn đất trồng cây ngắn ngày và thu về giá trị hoàn trả độ phì của đất liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chờ phân bổ tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chờ phân bổ sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính (nếu có) được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công và không thành công:

- Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.
- Phần chi phí liên quan đến cổ phiếu phát hành không thành công được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC tổng hợp giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.203.935.033	1.503.258.993
Tiền gửi không kỳ hạn	7.007.421.500	11.532.631.898
Cộng	8.211.356.533	13.035.890.891

(i) Chi tiết số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	2.446.857.979	6.631.978.200
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	4.339.120.739	4.721.500.591
Ngân hàng khác	221.442.782	179.153.107
Cộng	7.007.421.500	11.532.631.898

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUANG BÌNH
Thôn Việt Trung, xã Nam Trạch,
Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị dự phòng VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	9.442.985.568	9.442.985.568	9.442.985.568
Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	1.999.460.493	-	8.910	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.445.491.113	421.111.918	6.355.966.554	420.583.998
Cộng	14.887.937.174	9.864.097.486	15.798.961.032	9.863.569.566
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan				
(Chi tiết tại Thuyết minh VIII.2)	9.442.985.568	9.442.985.568	9.442.985.568	9.442.985.568

3. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị dự phòng VND
Tạm ứng	12.942.954.151	77.751.732	5.471.020.474	77.751.732
Phải thu khác	2.322.635.135	1.793.178.093	2.455.927.519	1.793.178.093
<i>Phải thu từ các cá nhân trông sản</i>	1.052.100.000	1.052.100.000	1.052.100.000	1.052.100.000
<i>Phải thu khác</i>	1.270.535.135	741.078.093	1.403.827.519	741.078.093
Cộng	15.265.589.286	1.870.929.825	7.926.947.993	1.870.929.825

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	9.935.194.366	71.096.880	9.948.094.366	84.524.800
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	-	9.442.985.568	-
Đối tượng khác	492.208.798	71.096.880	505.108.798	84.524.800
Phải thu ngắn hạn khác	1.873.464.566	2.534.741	1.873.464.566	2.534.741
Bà Nguyễn Thị Phương	65.969.581	-	65.969.581	-
Đối tượng khác	1.807.494.985	2.534.741	1.807.494.985	2.534.741
Trả trước cho người bán	73.659.500	28.928.250	73.659.500	28.928.250
Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	57.856.500	28.928.250	57.856.500	28.928.250
Viện tin học Doanh nghiệp	8.000.000	-	8.000.000	-
Trung tâm quan trắc và tài nguyên môi trường	7.803.000	-	7.803.000	-
Cộng	11.882.318.432	102.559.871	11.895.218.432	115.987.791

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn	42.773.425	42.773.425	13.119.178	13.119.178
Lãi trái phiếu	42.773.425	42.773.425	13.119.178	13.119.178
b. Dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu (*)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.042.773.425	1.042.773.425	1.013.119.178	1.013.119.178

(*) Khoản đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình: Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm, lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 1,3%/năm, ngày phát hành 01/11/2023 ngày đáo hạn 01/11/2033.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.312.172.619	-	345.679.713	-
Công cụ, dụng cụ	120.095.120	-	124.269.422	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.631.018.145	-	13.122.466.478	-
Sản phẩm	1.818.266.667	(15.238.313)	2.029.631.120	(15.238.313)
Hàng hóa	18.373.332	(12.780.909)	968.270.259	(12.780.909)
Cộng	12.899.925.883	(28.019.222)	16.590.316.992	(28.019.222)

Trong kỳ, không có vật tư, hàng hóa nào được dùng để thế chấp tại ngân hàng và các tổ chức khác.

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp/thu trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	62.726.496	52.716.088	104.375.122	11.067.462
Cộng	62.726.496	52.716.088	104.375.122	11.067.462
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	632.995.504	2.499.103.099	2.973.882.965	1.107.775.370
Thuế tài nguyên	128.552.339	186.239.760	320.198.492	262.511.071
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.442.271.696	1.442.271.696	-
Thuế bảo vệ môi trường	82.453.382	119.453.884	205.374.950	168.374.448
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.278.722	4.547.664	268.942
Cộng	844.001.225	4.251.347.161	4.946.275.767	1.538.929.831

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị văn phòng		Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ		TSCĐ hữu hình khác		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND
NGUYÊN GIÁ													
Số dư đầu kỳ	111.677.870.246	35.042.935.401	5.622.844.560	1.400.759.600	110.002.502.147	2.606.394.389	266.353.306.343						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	122.265.253	1.379.185.587	-	-	7.626.502.455	-	9.127.953.295						
- Tài sản nhận góp vốn liên doanh	-	2.355.004.444	-	-	-	-	2.355.004.444						
Số dư cuối kỳ	111.800.135.499	38.777.125.432	5.622.844.560	1.400.759.600	117.629.004.602	2.606.394.389	277.836.264.082						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ													
Số dư đầu kỳ	79.911.970.432	18.875.032.217	5.245.376.234	1.323.889.986	30.977.132.593	1.019.259.305	137.352.660.767						
- Khấu hao trong kỳ	1.458.049.306	1.287.492.284	44.497.158	13.805.444	2.904.501.528	73.536.966	5.781.882.686						
- Tài sản nhận góp vốn liên doanh	-	712.038.272	-	-	-	-	712.038.272						
Số dư cuối kỳ	81.370.019.738	20.874.562.773	5.289.873.392	1.337.695.430	33.881.634.121	1.092.796.271	143.846.581.725						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI													
Tại ngày đầu kỳ	31.765.899.814	16.167.903.184	377.468.326	76.869.614	79.025.369.554	1.587.135.084	129.000.645.576						
Tại ngày cuối kỳ	30.430.115.761	17.902.562.659	332.971.168	63.064.170	83.747.370.481	1.513.598.118	133.989.682.357						

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 63.361.472.855 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 56.843.203.595 đồng).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 43.481.177.980 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 là 44.752.438.174 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****9. TÀI SẢN SINH HỌC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần				
Keo trồng năm 2026	5.511.461.060	5.511.461.060	-	-
Keo trồng năm 2023	1.079.272.917	1.079.272.917	1.079.272.917	1.079.272.917
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần khác	2.459.663.167	2.459.663.167	2.436.749.167	2.436.749.167
Cộng	9.050.397.144	9.050.397.144	3.516.022.084	3.516.022.084

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cao su trồng năm 2022	11.536.778.076	11.055.568.118
Cao su trồng năm 2023	3.984.274.267	3.646.337.269
Cao su trồng năm 2024	2.620.763.691	2.204.597.544
Cao su trồng năm 2018	-	7.542.922.481
Cộng	18.141.816.034	24.449.425.412

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại Tổ dân phố Hữu Nghị, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2026 và 30/06/2026 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình lũy kế đến thời điểm 30/06/2026 với số tiền là 53.975.423.958 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2026 là 60.749.861.962 đồng).

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Hưng	3.413.028.780	3.413.028.780
Hộ kinh doanh Hoàng Thị Vân	1.523.303.740	1.523.303.740
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	1.344.936.000	1.844.936.000
Đối tượng khác	7.211.911.641	6.221.504.718
Cộng	13.493.180.161	13.002.773.238
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	1.344.936.000	1.844.936.000

(Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.2)

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	659.372.013	470.042.927
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.608.895.693	5.484.460.490
<u>Trong đó</u>		
- Công ty TNHH Hiếu Đại Phát QB (*)	6.440.499.082	2.866.679.119
- Lãi chậm trả tiền hàng	846.318.300	846.318.300
- Phải trả khác	1.322.078.311	1.771.463.071
Cộng	9.268.267.706	5.954.503.417
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	392.000.000	492.000.000
Cộng	392.000.000	492.000.000

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

- (*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/VT-HĐP ký ngày 20/05/2024 giữa Công ty và Công ty TNHH Hiếu Đại Phát QB, từ ngày 20/05/2024 hoạt động hợp tác kinh doanh được phân chia theo sản phẩm, hàng tháng hai bên theo dõi khối lượng sản xuất và phân bổ khối lượng sản xuất trong tháng theo tỷ lệ 50:50. Các chi phí cho hoạt động sản xuất được tập hợp và phân bổ theo tỷ lệ 50:50 cho mỗi bên về giá trị giá vốn hàng bán của sản xuất.

Ngày 31/12/2025, Công ty và Công ty TNHH Hiếu Đại Phát QB ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/VT-HĐP ký ngày 20/05/2024. Theo đó, từ ngày 01/01/2026, hai bên thống nhất điều chỉnh phương thức phân chia kết quả hợp tác từ phân chia theo sản phẩm sang phân chia theo lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của toàn bộ hoạt động hợp tác kinh doanh.

Theo thỏa thuận, doanh thu và các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh từ hoạt động hợp tác được tập hợp để xác định lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế được phân chia cho các bên theo tỷ lệ 50% cho Công ty và 50% cho Công ty TNHH Hiếu Đại Phát QB. Công ty là bên thực hiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động hợp tác. Việc phân chia lợi nhuận được thực hiện định kỳ hàng năm trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán được các bên thống nhất xác nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	VND	Giảm	Tăng	Giá trị	VND
a. Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	43.037.826.818		35.224.165.989	33.007.008.627	45.254.984.180	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	26.905.765.391		22.284.724.912	22.774.947.200	26.415.543.103	
Vay cá nhân (iii)	12.332.061.427		10.439.441.077	8.832.061.427	13.939.441.077	
b. Vay dài hạn đến hạn trả	3.800.000.000		2.500.000.000	1.400.000.000	4.900.000.000	
	1.688.000.000				173.941.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	1.688.000.000				173.941.000	
Cộng	44.725.826.818				45.428.925.180	

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khi đến hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 868012406841/2026-HĐCVHM/NHCT470-3100114493 ngày 27/07/2026, hạn mức cho vay từ thời điểm ký hợp đồng đến ngày 30/09/2026 là 27.000.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ đồng), từ 01/10/2026 là hạn mức cho vay là 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng). Thời hạn duy trì hạn mức từ 27/07/2026 đến 15/04/2027, thời hạn vay tối đa không qua 9 tháng, lãi suất cho vay được quy định theo từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động trồng, khai thác và chế biến mù cao su.
- Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty, máy móc thiết bị chế biến mù cao su, vườn cây cao su trồng từ năm 2011 trở về trước..
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 01/2026/525381/HĐTD ngày 08 tháng 01 năm 2026, hạn mức cho vay ngắn hạn là 16.500.000.000 đồng (Mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng), thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị tại Chi nhánh gỗ Phú Quý của Công ty.
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 7,9% đến 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản vay không có tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Trong kỳ		Số đầu kỳ
	Giá trị VND	Giảm VND	Tăng VND	Giá trị VND
a. Vay dài hạn	10.131.714.308	173.941.000	1.867.402.000	8.438.253.308
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (iv)	10.131.714.308	173.941.000	1.867.402.000	8.438.253.308
b. Vay dài hạn đến hạn trả	(1.688.000.000)			(173.941.000)
Cộng	8.443.714.308			8.264.312.308

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn khi đến hạn.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 805004607384/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 1.285.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo nhà trụ sở và khuôn viên công ty".

Hợp đồng tín dụng số 800004607389/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 2.955.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền chế biến mù và trang bị máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa ngành cao su.

Hợp đồng tín dụng số 804007156532/2025-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 28/05/2025, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 13.000.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để thực hiện dự án xây dựng dây chuyền công nghệ cao nhà máy mù cao su, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là nhà xưởng và hệ thống PCCC nhà máy chế biến cao su Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	1.688.000.000	173.941.000
Trong năm thứ hai	1.688.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.755.714.308	8.264.312.308
Cộng	10.131.714.308	8.438.253.308
Từ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.688.000.000	173.941.000
Số phải trả sau 12 tháng	8.443.714.308	8.264.312.308

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Số dư đầu năm trước	170.817.910.000	-	680.000.000	-	7.451.470.765	-	(51.434.030.126)	-	127.515.350.639
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	6.354.320.002	-	6.354.320.002
Số dư đầu năm nay	170.817.910.000	-	680.000.000	-	7.451.470.765	-	(45.079.710.124)	-	133.869.670.641
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	10.321.639.865	-	10.321.639.865
Số dư cuối kỳ này	170.817.910.000	-	680.000.000	-	7.451.470.765	-	(34.758.070.259)	-	144.191.310.506

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Thôn Việt Trung, xã Nam Trạch

Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	10.581.461	10.581.461
Ông Lê Vũ Thành	3.239.230	3.239.230
Bà Nguyễn Thị Hải	1.000.000	1.000.000
Các cổ đông khác	2.261.100	2.261.100
Cộng	17.081.791	17.081.791

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng kí phát hành	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.656.497.154	25.973.933.419
Trong đó:		
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	70.719.741.406	22.896.154.413
Doanh thu khác	936.755.748	3.077.779.006
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	71.656.497.154	25.973.933.419

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán sản phẩm, hàng hóa	57.143.122.029	25.099.438.108
Giá vốn bán hàng khác	287.486.818	41.191.434
Cộng	57.430.608.847	25.140.629.542

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	2.390.128.892	1.482.023.695
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	(6.774.438.004)	(2.282.194.587)
Cộng	(4.384.309.112)	(800.170.892)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí vận chuyển dự án dăm	2.197.966.369	-
Chi phí bán hàng khác	138.500.000	5.000.000
Cộng	2.336.466.369	5.000.000

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	3.322.959.852	2.635.659.078
Chi phí đồ dùng văn phòng	188.799.782	104.704.186
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	314.274.868	294.760.169
Thuế, phí và lệ phí	431.660.590	433.181.205
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	527.920	(47.172.996)
Chi phí bằng tiền khác	1.848.119.439	1.852.439.444
Cộng	6.106.342.451	5.273.571.086

6. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hỗ trợ giá trị cây trồng và chi phí đầu tư trên đất để bàn giao mặt bằng phục vụ thi công Dự án hạ độ cao	110.137.000	-
Thu tiền bồi thường hợp đồng	-	50.000.000
Các khoản khác	19.193.291	90.829.992
Cộng	129.330.291	140.829.992

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	10.321.639.865	(3.482.322.200)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chuyển lỗ các năm trước	(10.321.639.865)	-
Thu nhập tính thuế hiện hành	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.321.639.865	(3.482.322.200)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.321.639.865	(3.482.322.200)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	604	(204)

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.487.192.803	9.979.151.256
Chi phí nhân công	23.773.103.690	14.863.628.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.087.523.084	4.257.165.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.957.803.323	3.236.186.344
Chi phí khác bằng tiền	2.567.794.767	2.479.123.173
Cộng	65.873.417.667	34.815.255.455

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**
Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 34.874.410.627 đồng
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**
Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 35.398.106.989 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh cao su, Bộ phận kinh doanh gỗ, Bộ phận kinh doanh dăm và Bộ phận kinh doanh khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh cao su: Trồng, thu hoạch và sản xuất mủ cao su
- Bộ phận kinh doanh gỗ: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ.
- Bộ phận kinh doanh dăm: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ dăm
- Bộ phận kinh doanh khác: Cho thuê đất và hạ độ cao, cải tạo mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Các thông tin bộ phận về lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tại ngày 30/06/2026:

	Hoạt động kinh doanh Cao su		Hoạt động kinh doanh Gỗ		Hoạt động kinh doanh khác		Loại trừ	Tổng cộng	
	Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND		Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Tài sản									
Tài sản bộ phận	134.275.069.146	29.922.572.763	5.480.660.862	10.914.550.980	-	-		180.592.853.751	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	50.135.501.063		50.135.501.063	
Tổng tài sản	134.275.069.146	29.922.572.763	5.480.660.862	10.914.550.980	10.914.550.980	50.135.501.063		230.728.354.814	
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	14.359.169.738	1.450.172.434	6.440.499.082	-	-	-		22.249.841.254	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	64.287.203.054		64.287.203.054	
Tổng nợ phải trả	14.359.169.738	1.450.172.434	6.440.499.082	6.440.499.082	6.440.499.082	64.287.203.054		86.537.044.308	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tại ngày 01/01/2026:

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Hoạt động Kinh doanh Dăm gỗ	Hoạt động Kinh doanh khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Số đầu kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	6.573.488.764	15.027.504.464	2.528.626.218	10.208.966.624	-	34.338.586.070
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	187.457.774.671	187.457.774.671
Tổng tài sản	6.573.488.764	15.027.504.464	2.528.626.218	10.208.966.624	187.457.774.671	221.796.360.741
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	11.861.178.378	1.342.141.260	3.413.028.780	-	-	16.616.348.418
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	71.310.341.682	71.310.341.682
Tổng nợ phải trả	11.861.178.378	1.342.141.260	3.413.028.780	-	71.310.341.682	87.926.690.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026:

	Hoạt động kinh doanh Cao su		Hoạt động kinh doanh Gỗ		Hoạt động kinh doanh Dăm gỗ		Hoạt động kinh doanh khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND			
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	37.145.524.000	7.076.882.555	26.497.334.851	936.755.748	-	71.656.497.154			
Tổng Doanh thu	37.145.524.000	7.076.882.555	26.497.334.851	936.755.748	-	71.656.497.154			
Khấu hao và chi phí phân bổ	30.658.692.881	9.835.580.729	24.964.990.775	414.153.282	-	65.873.417.667			
Kết quả kinh doanh									
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.486.831.119	(2.758.698.174)	1.532.344.076	522.602.466	-	5.783.079.487			
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.486.831.119	(2.758.698.174)	1.532.344.076	522.602.466	-	5.783.079.487			
Doanh thu từ các khoản đầu tư									
Lãi (lỗ) khác									35.202.276
Chi phí tài chính									119.048.990
Lợi nhuận trước thuế									(4.384.309.112)
Chi phí thuế TNDN									10.321.639.865
Lợi nhuận trong kỳ									-
									10.321.639.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025:

	Hoạt động kinh doanh Cao su		Hoạt động kinh doanh Gỗ		Hoạt động kinh doanh Dăm gỗ		Hoạt động kinh doanh khác		Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Doanh thu										
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	14.502.987.500	4.161.496.086	4.273.045.827	3.036.404.006	-	25.973.933.419				
Tổng Doanh thu	14.502.987.500	4.161.496.086	4.273.045.827	3.036.404.006	-	25.973.933.419				
Khấu hao và chi phí phân bổ	16.657.826.060	6.404.294.828	3.869.530.035	3.487.549.705	-	30.419.200.628				
Kết quả kinh doanh										
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.154.838.560)	(2.242.798.742)	403.515.792	(451.145.699)	-	(4.445.267.209)				
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.154.838.560)	(2.242.798.742)	403.515.792	(451.145.699)	-	(4.445.267.209)				
Doanh thu từ các khoản đầu tư										
Lãi (lỗ) khác										32.798.416
Chi phí tài chính										129.975.701
Lợi nhuận trước thuế										(800.170.892)
Chi phí thuế TNDN										(3.482.322.200)
Lợi nhuận trong kỳ										-
										(3.482.322.200)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. BÊN LIÊN QUAN****Bên liên quan**

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần TAMICO

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Lãnh đạo chủ chốt

Cổ đông lớn của Công ty (Ông Lê

Vũ Thành) là Chủ tịch Hội đồng

quản trị Công ty Cổ phần TAMICO

Các giao dịch với các bên liên quan:

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng	9.442.985.568	9.442.985.568
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	9.442.985.568
Các khoản phải trả người bán	1.344.936.000	1.844.936.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	1.344.936.000	1.844.936.000

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị	297.600.000	259.440.000
Ông Phan Văn Thành - Chủ tịch HĐQT	148.800.000	137.232.000
Ông Phan Hữu Bằng - Thành viên HĐQT	124.800.000	110.208.000
Ông Lê Vũ Thành - Thành viên HĐQT	12.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải - Thành viên HĐQT	12.000.000	6.000.000
Ban Giám đốc	384.000.000	323.920.000
Ông Dương Chí Bình - Giám đốc	134.400.000	121.872.000
Ông Phạm Xuân Thành	-	91.840.000
Ông Nguyễn Hải Thanh - Phó Giám đốc	124.800.000	110.208.000
Ông Nguyễn Sơn Phong - Phó Giám đốc	124.800.000	-
Ban Kiểm soát	136.800.000	118.608.000
Bà Hoàng Thị Thu Hương - Trưởng ban kiểm soát	124.800.000	110.208.000
Ông Trần Duy Hà - Thành viên	6.000.000	4.200.000
Ông Võ Phi Xuân - Thành viên	6.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phương - Thành viên	-	4.200.000
Cộng	818.400.000	701.968.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. CÁC CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Hiếu Đại Phát QB theo hợp đồng số 01/HĐHTKD/VT-HĐP ngày 20/05/2024 và phụ lục hợp đồng ký ngày 31/12/2025 cùng nhau hợp tác đầu tư mở rộng sản xuất ngành gỗ (gỗ dăm) tại Phân xưởng nguyên liệu - Chi nhánh gỗ Phú Quý thuộc Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 05 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 19/05/2029.

Ngoài ra, Công ty ký 312 hợp đồng thuê đất trả tiền hằng năm trong đó:

1 (Một) hợp đồng thuê 40.133 m² có thời hạn thuê từ ngày 21/03/2003 đến ngày 11/02/2033.
311 hợp đồng thuê 22.065.435,8 m² có thời hạn thuê từ ngày 29/12/2017 đến ngày 15/10/2043. Tổng diện tích đất thuê là 22.105.568,8 m².

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cùng các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét và được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, do năm 2026 Công ty thay đổi áp dụng chế độ kế toán từ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 sang Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01 tháng 01 năm 2026:

CHỈ TIÊU	Mã số	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (VND)	Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	41.978.835.602	41.978.835.602
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	13.119.178
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	-	13.119.178
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	12.339.872.689	12.326.753.511
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.940.067.171	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	-	7.926.947.993
V. Tài sản ngắn hạn khác	160	-	40.774.252
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	-	29.706.790
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	40.774.252	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	29.706.790	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****4. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)****Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 (Tiếp theo):**

CHỈ TIÊU	Mã số	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (VND)	Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 (VND)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	179.817.525.139	179.817.525.139
II. Tài sản sinh học dài hạn	230	-	3.516.022.084
1. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237	-	3.516.022.084
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	27.965.447.496	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	27.965.447.496	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	250	-	24.449.425.412
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	-	24.449.425.412
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260	-	22.090.138.038
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	1.000.000.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	22.090.138.038	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	1.000.000.000	-
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	87.926.690.100	87.926.690.100
I. Nợ ngắn hạn	310	79.170.377.792	79.170.377.792
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	-	920.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	920.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	133.869.670.641	133.869.670.641
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	680.000.000
I. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	680.000.000	-
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	680.000.000	-

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025:

CHỈ TIÊU	Mã số	Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (VND)	Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Chi phí lãi vay	06	1.482.023.695	-
Chi phí đi vay	06	-	1.482.023.695
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	34.514.725	
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12		34.514.725
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.134.489.852)	-
Chi phí đi vay đã trả	14	-	(1.134.489.852)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Thôn Việt Trung, xã Nam Trạch

Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2026 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Hữu Bằng
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phê duyệt, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Văn phòng **CÔNG TY**

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân
TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh **SÀI GÒN**

Lầu 4, Tòa nhà Hải Âu TIC
39B Trường Sơn, Phường Tân Sơn Nhất,
TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh **MIỀN TRUNG**

Tầng 2, Số NP2-14
Đại lộ Nguyễn Hoàng, Phường Hạc Thành,
Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh **THÀNH CÔNG**

Tầng 2, Tòa nhà Nhà Việt,
Số 8 Đường V.I Lê Nin, Phường Vinh Phú,
Tỉnh Nghệ An

☎ (0238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

HEAD Office

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
No. 1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Ward
Ha Noi City

☎ (+84 24) 6664 2777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th Floor, Hai Au TIC Building
39B Truong Son, Tan Son Nhat Ward
Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

02nd Floor, No. NP2-14
Nguyen Hoang Street, Hac Thanh Ward
Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

THANH CONG Branch

02nd Floor, Nha Viet Building
No. 8 V.I Le Nin Street, Vinh Phu Ward
Nghe An Province

☎ (+84 238) 268 2888

✉ thanhcong@icpa.vn

www.icpa.vn